

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam giảm điểm, tương đồng với diễn biến của thị trường thế giới trước lo ngại căng thẳng giữa Nga và Ukraine leo thang sau khi Nga công nhận độc lập của các khu vực ly khai do Moscow hậu thuẫn ở miền đông Ukraine

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL giảm điểm sau khi căng thẳng giữa Nga và Ukraine gia tăng

[Thông tin doanh nghiệp]

PNJ, GAS

[Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị tiếp tục quay vòng chốt lời từng phần vị thế ngắn hạn tại vùng cản kế tiếp của các mã mục tiêu.

22/2/2022

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIIndex	1,503.47	-0.49
VN30	1,532.36	-0.07
HĐTL VN30F1M	1,517.50	-0.82
HNXIndex	434.43	-1.49
HNX30	776.19	-1.98
UPCoM	113.01	-0.58
USD/VND	22,811	-0.08
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.24	+3
Lãi suất qua đêm (%)	2.56	+12
Dầu (WTI, \$)	96.00	+5.41
Vàng (LME, \$)	1,899.54	-0.35



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,503.47 (-0.49%)
KLGD (triệu CP) 908.1 (+29.6%)
GTGD (triệu US\$) 1,237.9 (+20.7%)

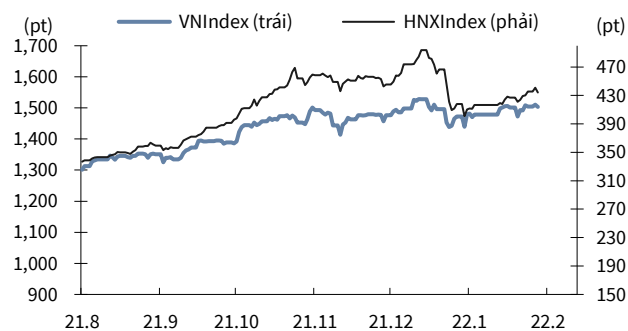
HNXIndex 434.43 (-1.49%)
KLGD (triệu CP) 119.7 (+16.8%)
GTGD (triệu US\$) 158.6 (+34.1%)

UPCoM 113.01 (-0.58%)
KLGD (triệu CP) 82.7 (+0.4%)
GTGD (triệu US\$) 70.8 (+1.2%)

NĐTNN mua ròng (triệu US\$) -4.4

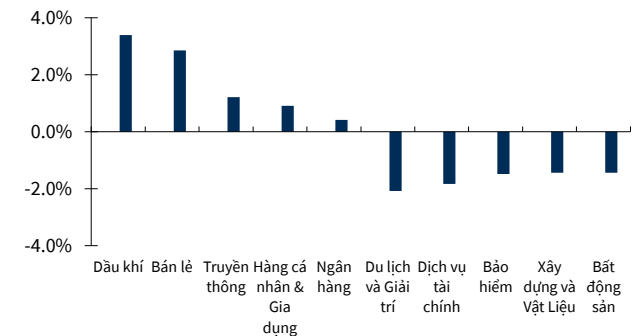
TTCK Việt Nam giảm điểm, tương đồng với diễn biến của thị trường thế giới trước lo ngại căng thẳng giữa Nga và Ukraine leo thang sau khi Nga công nhận độc lập của các khu vực ly khai do Moscow hậu thuẫn ở miền đông Ukraine. Giá dầu tăng giá trước thông tin trên tác động tích cực đến cổ phiếu dầu khí ở PVD (+3.7%), PVS (+2.8%). Theo số liệu của Tổng cục Hải quan, ngay trong tháng đầu tiên, xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ đã đạt kim ngạch ở mức rất cao là 1.549 tỷ USD, tăng 14.3% so với cùng kỳ 2021 giúp cổ phiếu ngành gỗ tăng giá ở PTB (+0.7%), ACG (+0.1%). Theo ISMA, sản lượng đường lũy kế từ đầu mùa vụ 2021-2022 (tháng 10-2021 đến hết tháng 1-2022) đạt 18.71 triệu tấn, tăng 5.7% YoY và dự báo sản lượng mùa vụ 2021-2022 có khả năng đạt mức 35.6 triệu tấn, cao hơn khoảng 1,84 triệu tấn so với mức 33,76 triệu tấn của mùa vụ trước khiến cổ phiếu ngành đường giảm giá ở SBT (-0.9%), QNS (-0.9%). Khối ngoại bán ròng ở PLX (+3.5%), NVL (-0.5%), FRT (+7%).

VNIndex & HNXIndex



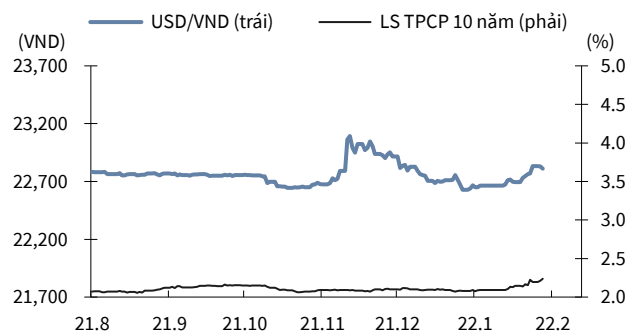
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

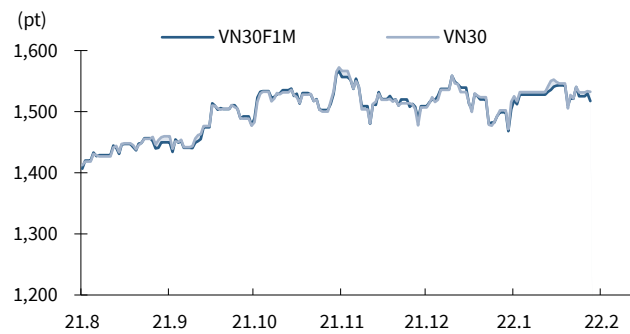
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,532.36 (-0.07%)
VN30F1M	1,517.5 (-0.82%)
Mở cửa	1,517.9
Cao nhất	1,519.7
Thấp nhất	1,501.4

Các HĐTL giảm điểm sau khi căng thẳng giữa Nga và Ukraine gia tăng. Chênh lệch F2203 và chỉ số VN30 giảm mạnh xuống -19.4 điểm và duy trì ở mức âm với biên độ rộng bởi lo ngại về diễn biến xấu đi của tình hình chính trị thế giới và đóng cửa tại mức -14.86 điểm. Khối ngoại bán ròng trong phiên hôm nay với thanh khoản thị trường tăng mạnh.

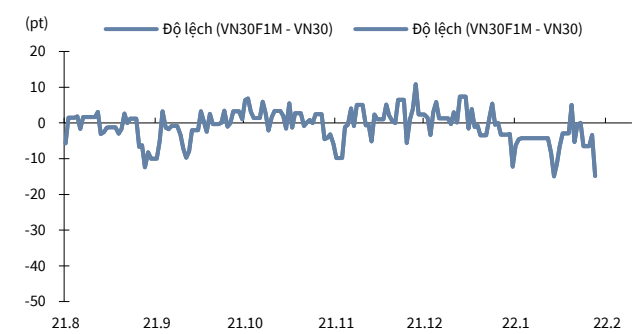
KLGD (HĐ)	177,592 (+71.3%)
------------------	-------------------------

HĐTL VN30F1M & VN30



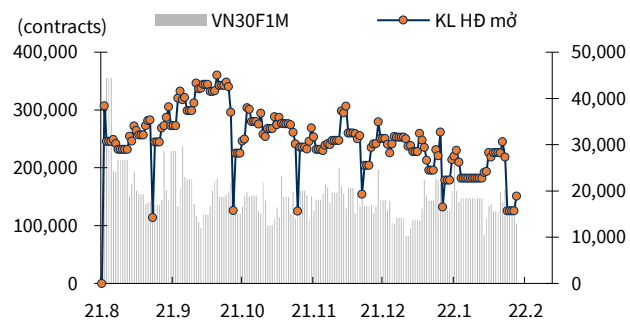
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



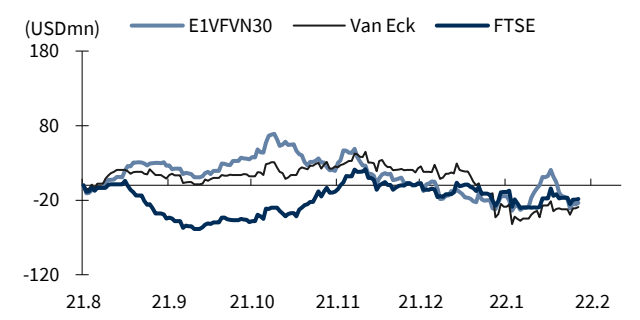
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

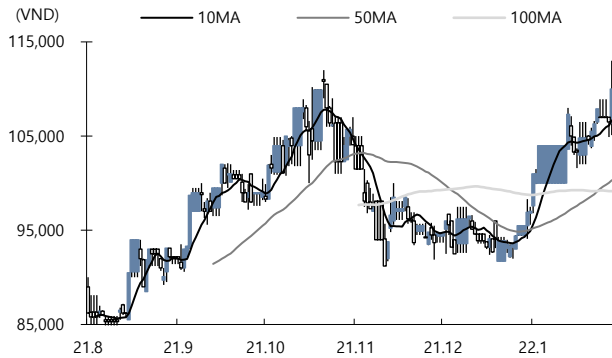
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

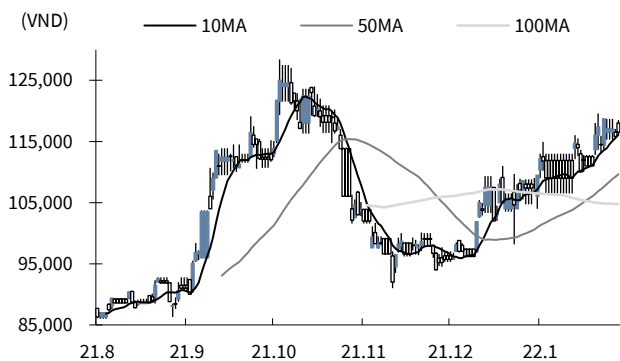
Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận (PNJ)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- PNJ tăng 3.29% lên 110,000 VND/cp
- Vàng bạc đá quý Phú Nhuận công bố lãi sau thuế tháng 1 đạt 270 tỷ đồng, tăng 60.7% YoY và là mức cao nhất từ khi công bố lợi nhuận tháng với doanh thu thuần đạt 3,476 tỷ đồng, tăng 60% so với cùng kỳ năm trước. Cụ thể, doanh thu bán lẻ tháng 1 tăng gần 80% so với cùng kỳ năm trước và tăng 25% so với tháng trước, doanh thu bán sỉ tăng 11.7% và vàng miếng tăng 90.3% so với cùng kỳ năm trước.

Tổng Công ty khí Việt Nam - CTCP (GAS)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- GAS tăng 0.6% lên 116,500 VND/cp
- PV Gas báo cáo kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 với lợi nhuận sau thuế giảm 20% về 7,039 tỷ đồng và tổng doanh thu đi ngang 80,000 tỷ đồng.
- Tháng 1 năm 2022, PV Gas ước lợi nhuận trước thuế đạt hơn 1,000 tỷ đồng (+11% YoY) và doanh thu đạt 8,481 tỷ đồng, vượt 29% kế hoạch tháng và tăng trưởng 42% so với cùng kỳ.

Giá xăng dầu trong nước tăng theo diễn biến thế giới

Giá xăng dầu trong nước tăng theo diễn biến thế giới

Giá xăng dầu trong nước tăng theo diễn biến thế giới

- Theo Bộ Công Thương, các mức điều chỉnh như sau; Xăng E5RON92 tăng 960 đồng/lít; Xăng RON95-III tăng 960 đồng/lít; Dầu diesel 0.05S tăng 940 đồng/lít; Dầu hỏa tăng 750 đồng/lít; Dầu mazut 180CST 3.5S tăng 780 đồng/lít. Giá xăng E5RON 92 đã tăng 8.5% YTD, và xăng RON95-III đã tăng 7.9% YTD.
- Bộ Công thương đã yêu cầu chi Quỹ Bình ổn (BOG) (cụ thể chi sử dụng Quỹ đối với xăng E5RON92 ở mức 250 đồng/lít; xăng RON95-III ở mức 100 đồng/lít) nhằm bình ổn giá xăng, dầu trong nước trong bối cảnh giá thành phẩm xăng, dầu nhập khẩu có xu hướng tăng mạnh. Đây là lần thứ 5 liên tiếp Bộ Công Thương điều chỉnh tăng giá xăng dầu kể từ đầu năm 2022, theo đó giá xăng dầu trong nước tiếp tục lập đỉnh mới.

KBSV đánh giá việc điều chỉnh tăng giá xăng dầu trong nước do chịu áp lực lớn từ đà tăng mạnh của giá xăng dầu thế giới

- Giá xăng, dầu trong nước trong ngắn hạn dự đoán sẽ tăng do: 1. Biến động giá dầu thô thế giới tăng mạnh khi căng thẳng và rủi ro leo thang xung đột vũ trang giữa Nga và Ukraine; 2. Theo Bộ Tài Chính, số dư Quỹ Bình ổn xăng dầu (BOG) đầu quý 4/2021 chỉ còn hơn 800 tỷ đồng, bên cạnh đó nhiều doanh nghiệp xăng dầu cũng đã âm quỹ bình ổn (cụ thể, hai doanh nghiệp chiếm thị phần xăng dầu lớn nhất là Petrolimex và PVOil đã âm lên tới hàng trăm tỉ đồng), nên dư địa để Bộ Công thương có thể tiếp tục bình ổn giá còn tương đối ít.

KBSV ước tính CPI trong tháng 2 tăng khoảng 0.6-0.7% MoM, và giữ nguyên dự báo CPI cả năm 2022 sẽ tiếp tục duy trì ở mức 3.8%

- Đà tăng của giá xăng dầu tiếp tục gia tăng áp lực lạm phát Việt Nam. Theo Tổng Cục Thống Kê, giá xăng dầu tăng 10% thì chỉ số CPI tăng 0.34%.
- Bên cạnh đó, mặt bằng giá thép và nguyên vật liệu xây dựng có xu hướng tăng nhẹ 3.0% YTD và sẽ tiếp tục neo cao nhờ việc lượng thép tiêu thụ phục hồi tốt khi các dự án bất động sản bị trì hoãn do giãn cách xã hội trong năm 2021 sẽ được triển khai gấp rút trong năm 2022 để kịp tiến độ bàn giao cho khách hàng, kết hợp với các dự án đầu tư công quy mô lớn sớm khởi công.
- Tuy nhiên, việc giá thịt heo luôn duy trì ổn định quanh 55,000/kg sẽ giúp kìm hãm đà tăng của chỉ số CPI, khi lượng thịt heo vẫn tiêu thụ chậm do sau Tết nhiều doanh nghiệp, trường học, bếp ăn tập thể... chưa hoạt động trở lại bình thường, chúng tôi ước tính chỉ số CPI tháng 2 nhóm ăn uống và thực phẩm tháng 2 sẽ tăng ở mức 0.4% so với tháng 1. CPI tháng 2 ước tính sẽ tăng khoảng 0.6 -0.7% MoM.
- Trong năm 2022, chúng tôi dự báo giá thịt lợn có thể tăng lên mức 60,000 – 70,000 VND/kg nhờ nhu cầu ăn uống hồi phục, trong khi nguồn cung thịt heo giảm do tỷ lệ tái đàn cuối năm 2021 và đầu năm 2022 ở mức thấp khi các yếu tố liên quan tới dịch tả lợn, giá cám cao và giá lợn thấp đã tác động tiêu cực tới tâm lý của các hộ chăn nuôi. Dù vậy, giá thịt lợn khó có thể về mốc đỉnh năm 2020 nhờ việc Chính Phủ luôn ưu tiên tăng cường nguồn cung trong nước. Theo đó, chúng tôi giữ nguyên dự báo CPI cả năm 2022 sẽ tiếp tục duy trì ở mức 3.8%.

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- Sau nhịp mở gap giảm điểm đầu phiên, VNIndex tiếp tục lao dốc trong phiên trước khi dần hồi phục và lấy lại phần lớn điểm số đã mất
- Vùng hỗ trợ gần quanh 1490 (+-5) đã cho những phản ứng tích cực và giúp cho chỉ số sớm lấy lại trạng thái cân bằng hơn. Mặc dù rủi ro mở rộng nhịp điều chỉnh vẫn hiện hữu, cơ hội hồi phục và giữ vững kênh tăng điểm từ đáy tháng 1 của VNIndex sẽ tiếp tục được bảo lưu chừng nào chưa đánh mất vùng hỗ trợ xa 146x.
- NĐT được khuyến nghị tiếp tục quay vòng chốt lời từng phần vị thế ngắn hạn tại vùng cản kế tiếp của các mã mục tiêu.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1535 – 1540

Kháng cự gần: 1523 – 1528

Hỗ trợ gần: 1500 – 1504

Hỗ trợ xa: 1485 – 1490

— Sau nhịp mở gap giảm điểm đầu phiên, F1 tiếp tục lao dốc trong phiên trước khi dần hồi phục và lấy lại phần lớn điểm số đã mất

— Vùng hỗ trợ gần quanh 150x đã cho những phản ứng tích cực và giúp cho chỉ số sớm lấy lại trạng thái cân bằng hơn. Mặc dù rủi ro mở rộng nhịp điều chỉnh vẫn hiện hữu, cơ hội hồi phục và giữ vững kênh tăng điểm từ đáy tháng 1 của F1 tiếp tục được bảo lưu chừng nào chưa đánh mất vùng hỗ trợ xa 148x.

— Chiến lược giao dịch trong phiên: Tiếp tục linh hoạt trading 2 chiều, Long tại hỗ trợ và Short tại kháng cự.

— Chiến lược giao dịch qua đêm: Tạm đứng ngoài quan sát.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

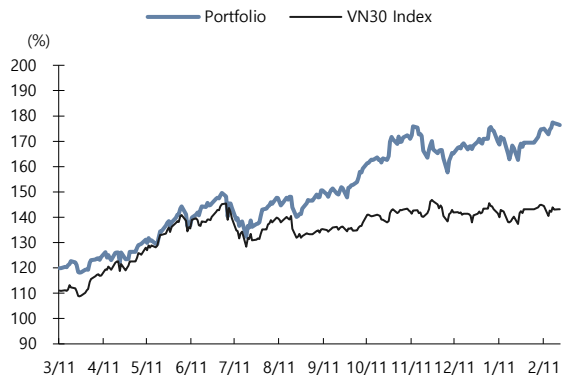
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-0.07%	-0.11%
Tăng lũy kế (YTD)	43.11%	76.45%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Company	Date	Value	Change	Weight	Notes
Mobile World (MWG)	09/08/2019	137,700	2.8%	78.2%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	54,000	-2.4%	144.1%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	110,000	3.3%	43.5%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Nam Tan Uyen (NTC)	11/11/2021	211,800	-0.9%	10.3%	- Khu Công nghiệp NTC-3 được phê duyệt đóng góp tăng trưởng 2022 - Triển vọng tích cực trong dài hạn của ngành khu công nghiệp - Cấu trúc tài chính lành mạnh
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	71,600	-1.1%	110.6%	- Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	92,900	-0.6%	219.1%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	01/31/2020	34,600	0.6%	83.0%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	116,500	0.6%	58.7%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	46,400	-0.5%	220.5%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbanc City Development (KBC)	09/03/2020	56,800	-2.9%	314.6%	- Giá bán khu đô thị Tràng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
DXG	-1.8%	29.6%	78.7
VHM	-0.9%	23.9%	59.7
GMD	2.0%	43.3%	52.4
HPG	-0.5%	23.2%	49.8
KDH	-0.6%	32.9%	27.8

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
PLX	3.5%	17.2%	-53.6
NVL	-0.5%	7.1%	-37.5
FRT	6.9%	19.3%	-16.7
VCB	-0.7%	23.7%	-66.4
DGC	1.0%	8.0%	-25.4

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
PVS	3.8%	9.1%	9.1
PLC	-1.8%	1.2%	4.3
CEO	-9.9%	0.1%	2.3
VKC	4.5%	2.9%	1.7
SCI	-1.3%	2.0%	1.6

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
TNG	-2.4%	8.8%	-11.4
THD	-1.2%	1.6%	-7.9
DHT	0.0%	27.7%	-0.9
L14	-9.3%	0.1%	-0.8
NSH	1.4%	0.5%	-0.7

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	7.7%	YEG, PNC
Y tế	5.7%	DHG, TNH
Ô tô và phụ tùng	5.3%	TCH, HHS
Dầu khí	5.0%	PLX, PVD
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	5.0%	GEX, TMS

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Thực phẩm và đồ uống	-0.7%	MSN, VNM
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-0.3%	GAS, POW
Ngân hàng	-0.2%	EIB, SSB
Bất động sản	0.2%	VIC, VHM
Tài nguyên Cơ bản	1.0%	DTL, HSG

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Du lịch và Giải trí	14.8%	VJC, HVN
Truyền thông	11.3%	YEG, PNC
Dầu khí	11.2%	PLX, PVD
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	10.4%	GMD, GEX
Hàng cá nhân & Gia dụng	10.4%	PNJ, GIL

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Ngân hàng	-3.3%	VCB, BID
Bất động sản	-2.3%	VIC, VHM
Xây dựng và Vật Liệu	3.5%	CTD, VCG
Thực phẩm và đồ uống	5.5%	HAG, VCF
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	6.8%	GAS, POW

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	405,160 (17.8)	22.5	59.5	32.3	14.7	5.7	9.5	3.2	2.9	-1.9	-2.0	14.1	-13.8
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	335,534 (14.8)	26.6	9.0	7.4	35.9	26.5	24.9	2.2	1.7	-0.9	-0.9	-0.1	-3.3
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	252,507 (11.1)	17.8	27.1	19.0	-7.6	9.1	10.3	2.4	2.2	1.2	1.5	4.2	14.6
	NVL	NO VA LAND INVES	45,853	86,712 (3,768)	196,664 (8.7)	31.3	26.6	18.1	6.7	13.9	15.1	4.4	3.2	-0.5	-1.1	-2.4	-14.2
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	31,182	19,167 (833)	61,181 (2.7)	11.6	23.2	17.0	18.0	15.6	24.2	3.3	2.7	-0.6	0.7	6.1	5.7
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	303,584 (13.4)	13.9	15.6	18.7	-	14.9	12.5	2.3	2.2	-1.8	4.0	14.8	10.9
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	79,937	378,305 (16,441)	164,887 (7.3)	6.3	16.8	13.5	11.7	20.6	20.8	3.0	2.5	-0.7	-0.2	-2.7	10.2
	BID	BANK FOR INVESTM	34,507	174,556 (7,586)	156,209 (6.9)	12.7	18.3	12.7	-5.3	16.0	20.5	2.4	2.0	1.7	-0.4	-2.9	24.0
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	596,660 (26.3)	0.0	8.7	7.3	14.3	20.5	19.9	1.6	1.3	-0.2	-0.8	3.2	2.8
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	430,720 (19.0)	1.4	9.4	7.3	61.1	18.9	20.9	1.5	1.3	0.6	-1.0	-2.7	2.1
	VPB	VIETNAM PROSPERI	22,944	101,381 (4,406)	514,512 (22.7)	0.0	10.6	8.5	18.8	16.2	16.3	1.6	1.3	-1.0	-1.1	3.6	-0.7
	MBB	MILITARY COMMERC	19,407	73,327 (3,187)	684,801 (30.1)	0.0	8.8	7.5	14.6	22.3	21.1	1.7	1.4	5.4	5.2	8.2	19.0
	HDB	HDBANK	20,400	40,641 (1,766)	176,747 (7.8)	4.2	8.5	7.3	23.3	21.0	20.2	1.6	1.4	-0.2	0.2	1.2	-4.2
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	895,049 (39.4)	14.0	13.4	9.8	26.5	13.1	16.8	1.7	1.5	1.5	0.6	-2.6	7.0
	TPB	TIEN PHONG COMME	20,630	28,732 (1,249)	286,952 (12.6)	0.0	9.1	7.4	37.5	22.2	23.8	2.1	1.7	1.5	1.8	3.8	1.1
EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	36,409 (1.6)	0.2	76.3	25.3	27.3	3.1	9.1	2.4	2.2	-0.8	-6.0	4.8	3.9	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	42,481 (1.9)	21.0	20.0	14.8	15.8	9.6	11.9	1.8	1.6	-1.6	2.7	7.2	0.5
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	12,877 (0.6)	14.2	23.0	18.3	9.1	10.8	13.1	2.1	2.0	-2.6	-0.1	-0.3	-13.1
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	21,998	19,947 (867)	377,887 (16.6)	55.4	21.5	20.2	-3.2	13.7	14.8	-	-	-2.2	1.8	1.0	-13.1
	VCI	VIET CAPITAL SEC	27,500	9,108 (396)	137,210 (6.0)	71.9	-	-	-4.0	-	-	-	-	-2.4	5.2	5.4	-16.2
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	102,177 (4.5)	52.4	-	-	-19.0	-	-	-	-	-1.6	2.8	-0.5	-16.7
	VND	VNDIRECT SECURIT	17,211	5,734 (249)	303,047 (13.3)	27.2	-	-	36.3	19.8	-	-	-	-2.1	4.6	11.7	-10.4
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	173,037 (7.6)	42.1	16.1	14.8	4.0	32.3	34.0	4.8	4.5	-1.2	-1.5	-3.1	-7.4
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	28,895 (1.3)	36.9	26.4	22.1	7.3	19.6	21.4	4.6	4.1	-0.7	-0.9	13.8	11.5
	MSN	MASAN GROUP CORP	95,100	111,712 (4,855)	138,091 (6.1)	16.5	30.2	21.5	-51.9	20.7	23.3	6.2	4.8	-1.7	-1.9	4.3	-7.9
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	95,659 (4.2)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	-2.5	5.6	-8.2	-22.4
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	120,675 (5.3)	11.0	-	62.2	-88.5	1.0	10.1	-	-	-2.2	2.6	17.0	11.3
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	91,089 (4.0)	10.8	22.3	20.4	-57.0	11.9	13.6	2.6	2.5	2.0	6.7	24.3	10.4
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	362,887 (16.0)	38.4	18.2	8.6	65.7	8.2	15.7	1.5	1.4	1.0	23.4	-7.9	-27.4
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	140,450 (6.2)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-2.3	15.3	-5.0	-36.8
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	513,624 (22.6)	37.7	-	-	-13.2	11.9	14.9	-	-	-2.6	6.2	2.3	-3.4
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	63,449 (2.8)	3.6	18.1	17.9	-52.4	4.7	4.6	0.8	0.9	1.4	3.9	12.6	-12.2
	REE	REE	59,600	18,419 (800)	34,773 (1.5)	0.0	10.7	9.1	-4.5	13.9	14.2	1.4	1.3	-1.1	4.8	9.1	3.6

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND tỷ, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	119,415 (5.3)	46.1	18.8	16.9	-17.5	21.9	23.7	4.0	3.7	0.6	-0.8	8.5	21.1
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	11,639 (0.5)	31.4	13.0	11.1	-10.5	14.9	16.6	1.6	-	-2.6	0.6	3.7	-8.9
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	4,289 (0.2)	34.1	14.0	8.8	-5.1	10.3	16.7	1.4	1.4	-0.2	0.4	0.7	-6.7
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	32,481	145,287 (6,314)	855,889 (37.7)	18.0	6.8	6.7	21.9	29.5	24.1	1.6	1.4	-0.5	0.9	7.2	0.0
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	185,328 (8.1)	36.5	11.1	15.4	-0.5	17.4	11.7	1.7	1.6	-2.5	1.7	10.7	-5.2
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	101,640 (4.5)	46.5	11.8	14.2	-4.5	19.9	14.6	2.1	1.9	-3.5	1.0	6.7	-18.0
	HSG	HOA SEN GROUP	22,636	11,063 (481)	246,415 (10.8)	38.9	5.8	6.5	67.9	25.0	19.2	1.3	1.0	-2.6	-0.4	10.8	-4.3
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	76,497 (3.4)	97.2	19.7	17.6	17.2	-	-	1.2	1.2	-3.2	3.7	1.7	-10.6
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	154,543 (6.8)	4.6	20.2	18.3	-51.0	15.5	16.7	3.1	2.9	3.5	5.1	13.1	15.0
	PVD	PETROVIETNAM DRI	23,400	9,854 (428)	229,044 (10.1)	39.9	30.0	14.6	-11.9	3.5	6.6	0.9	0.9	2.7	4.7	-5.3	8.1
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	47,862 (2.1)	35.9	9.0	7.5	1.2	16.7	16.3	1.3	1.0	1.1	2.0	6.7	-3.5
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	93,000	65,024 (2,826)	129,073 (5.7)	0.0	15.8	13.5	13.7	27.8	28.4	4.0	3.5	2.8	3.3	3.4	1.3
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	87,500	19,895 (865)	102,324 (4.5)	0.0	18.5	15.0	2.4	21.5	21.7	3.6	3.0	3.3	4.3	15.2	14.3
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	7,571 (0.3)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	4.6	25.0	26.3	-5.9
	FRT	FPT DIGITAL RETA	28,200	2,227 (097)	118,562 (5.2)	30.3	29.3	23.7	-75.2	19.9	21.5	6.4	5.8	6.9	18.1	39.8	15.8
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	56,095 (2.5)	34.6	11.2	-	41.2	28.0	-	-	-	3.1	-1.1	4.6	17.1
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	4,186 (0.2)	45.4	19.6	18.4	10.7	19.3	18.8	3.5	3.2	-0.9	12.6	11.7	0.9
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	68,000	61,301 (2,664)	87,586 (3.9)	0.0	16.5	14.3	15.5	25.8	27.5	3.9	3.7	-0.6	2.0	5.3	-0.1

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình
Giám đốc Khối Phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp

Dương Đức Hiếu
Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp
hieudd@kbsec.com.vn

Nguyễn Anh Tùng
Chuyên viên cao cấp – Tài chính & Công nghệ
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Hoàng Bảo Nga
Chuyên viên cao cấp – Bất động sản nhà ở
ngaphb@kbsec.com.vn

Lê Anh Tùng
Chuyên viên cao cấp – Dầu Khí & Ngân hàng
tungla@kbsec.com.vn

Nguyễn Ngọc Hiếu
Chuyên viên phân tích – Năng lượng & Vật liệu xây dựng
hieunn@kbsec.com.vn

Phạm Nhật Anh
Chuyên viên phân tích – Bất động sản công nghiệp & Logistics
anhpn@kbsec.com.vn

Lương Ngọc Tuấn Dũng
Chuyên viên phân tích – Bán lẻ & Hàng tiêu dùng
dunglnt@kbsec.com.vn

Khối Phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh
Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược Đầu tư
anhhd@kbsec.com.vn

Lê Hạnh Quyên
Chuyên viên phân tích – Vĩ mô & Ngân hàng
quyenlh@kbsec.com.vn

Thái Hữu Công
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap
congth@kbsec.com.vn

Trần Thị Phương Anh
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap
anhhttp@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ
Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương
Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.